

Bản án số: **43/2019/DS-ST**
Ngày: 30-9-2019
Về tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang
2. Bà Nguyễn Thị Nhị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐXXST-DS ngày 13/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐST-DS ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V***

Trụ sở: số A phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Cao T và ông Đỗ Văn P - Là Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP V (theo Văn bản uỷ quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Văn bản uỷ quyền số 7546/2019/UQ-VPB ngày 26/9/2019 của Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật, SME và cá nhân, Ngân hàng TMCP V Hội sở) - *Có mặt.*

**** Bị đơn:***

- **Bà Vũ Ngọc A**, sinh năm 1964; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số C, phố D, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: tầng 02, số nhà Đ Phố E, phường N, quận T, thành phố Hà Nội - *Vắng mặt*.

- **Ông An Quốc K**, sinh năm 1963; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: số C, phố D, phường M, quận H, thành phố Hà Nội - *Vắng mặt*.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- **Anh An Anh V**, sinh năm 1990 (con bà Vũ Ngọc Anh và ông An Quốc Khánh) - *Vắng mặt*.

- **Anh An Anh H**; sinh năm 1999 (con bà Vũ Ngọc Anh và ông An Quốc Khánh) - *Vắng mặt*.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số C, phố D, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: tầng 02, số nhà Đ Phố E, phường N, quận T, thành phố Hà Nội - *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo Đơn khởi kiện ngày 11/6/2018 và những lời khai trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V do người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 15/5/2015, Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là V hoặc Ngân hàng) đã ký Hợp đồng tín dụng số 3329657 ngày 15/5/2015, theo đó Ngân hàng cho bà Vũ Ngọc A và chồng là ông An Quốc K vay số tiền là 450.000.000 đồng với thời hạn vay 120 tháng; mục đích vay tiêu dùng mua sắm nội thất, trang thiết bị gia đình. Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Khế ước nhận nợ.

Cùng ngày 15/5/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K toàn bộ số tiền trên theo Khế ước nhận nợ số 3329657 với những nội dung như sau:

- Số tiền vay: 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*);

- Thời hạn vay: 120 tháng, kể từ ngày 15/5/2015 đến 15/5/2025.

- Lãi suất vay trong hạn: Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 12%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01; 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 01/10/2015, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6,4%/năm. Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo thỏa thuận trên và không phải thông báo cho bên vay.

- Kỳ trả nợ gốc: 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ hạn trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/6/2015, tổng cộng gồm 120 kỳ. Số tiền nợ gốc mà Bên vay phải trả mỗi kỳ là 3.750.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 3.750.000 đồng vào ngày đáo hạn 15/5/2025.

- Kỳ trả nợ lãi: 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ hạn trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/6/2015.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Toàn bộ căn hộ chung cư thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng căn hộ tại địa chỉ: Tầng 2/3 số nhà Đ Phố E, phường N, quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BC do UBND quận T cấp ngày 22/9/2011 đứng tên ông An Quốc K và bà Vũ Ngọc A. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 1739; quyền số 02-2015 tại Văn phòng công chứng K ngày 07/5/2015. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với căn hộ trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại Khế ước nhận nợ. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, làm việc và yêu cầu bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà đều không thực hiện. Do đó, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, tiền phạt chậm trả lãi và khoản phát sinh liên quan tính đến thời điểm khởi kiện (ngày 16/8/2018) theo Hợp đồng tín dụng số 3329657 ngày 15/5/2015 và Khế ước nhận nợ số 3329657 ngày 15/5/2015 gồm: Nợ gốc: 450.000.000 đồng; Nợ lãi: 248.121.875 đồng; Phạt chậm trả lãi: 70.297.638 đồng; Tổng cộng: 768.419.513 đồng.

- Yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K thực tế thanh toán hết nợ.

- VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với căn hộ trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay. Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bên vay trong trường hợp tài sản bảo đảm sau kê biên, phát mại không đủ trả nợ.

* Đối với những ý kiến của bà Vũ Ngọc A trong quá trình giải quyết vụ án như: Ngân hàng ghi sai mục đích sử dụng vốn, Ngân hàng sửa chữa lãi suất và biên độ trên Khế ước nhận nợ cao hơn so với thoả thuận ban đầu, bà đã khiếu nại đến Chi nhánh và Hội sở về việc sửa chữa lãi suất nhưng không được giải quyết, Ngân hàng có ý kiến như sau:

Tại Khoản 3 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng số 3329657 ký ngày 15/5/2015 và tại Mục 6 của Đề nghị giải ngân ngày 15/5/2015, bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K xác nhận mục đích sử dụng tiền vay là: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất, trang thiết bị gia đình. Bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K đã đọc, hiểu và tự nguyện ký vào các văn bản trên. Dựa trên cơ sở Đề nghị giải ngân của bà Ngọc A và ông K, hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng đã giải ngân khoản vay cho ông bà theo Khế ước nhận nợ. Do đó, việc bà Vũ Ngọc A nêu Ngân hàng ghi sai mục đích vay vốn là không có căn cứ.

Về lãi suất: theo Khoản 5 Điều 1 Khế ước nhận nợ số 3329657 ký ngày 15/5/2015 quy định: “Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1

lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/10/2015, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6,4%/năm. Mức lãi suất và biên độ này là phù hợp với quy định của pháp luật và đúng theo thoả thuận ban đầu giữa Ngân hàng và khách hàng vay. Ngân hàng không sửa chữa lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất ở bản chính Khế ước nhận nợ đã giao cho Bị đơn. Bà Vũ Ngọc A cho rằng Ngân hàng sửa chữa lãi suất tại Khế ước nhận nợ cao hơn lãi suất thoả thuận nhưng bản thân bà Vũ Ngọc A cũng khẳng định lãi suất thoả thuận là bao nhiêu bà không nhớ. Việc bà xuất trình bản phô tô tờ rơi quảng cáo “Vay ưu đãi lãi suất 5%/năm” cho Toà án, Ngân hàng thấy: tờ rơi ghi rõ thời hạn áp dụng mức lãi suất ưu đãi 5% đến hết tháng 12/2014. Khoản vay của bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K được xác lập vào 15/5/2015 nên mức lãi suất trong tờ rơi không có giá trị áp dụng đối với khoản vay của ông bà. Như vậy, việc bà Vũ Ngọc A cho rằng Ngân hàng sửa lãi suất và biên độ điều chỉnh cao hơn so với lãi suất thoả thuận ban đầu là không có căn cứ.

Về việc bà Ngọc A cho rằng có đơn khiếu nại gửi đến Chi nhánh Ngân hàng và Hội sở Ngân hàng nhưng không được giải quyết, Ngân hàng xác nhận không nhận được khiếu nại nào của bà Ngọc A về việc sửa chữa lãi suất như bà đã nêu.

[2] Bị đơn là bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K:

* Đối với bà Vũ Ngọc A: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy tập đương sự, Thông báo về việc yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với bà Vũ Ngọc A tại địa chỉ nơi bà hiện đang cư trú là: Tầng 2/3, số nhà Đ Phố E, phường N, quận T, thành phố Hà Nội để bà biết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng thời triệu tập bà đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của Bị đơn.

Tại bản tự khai ngày 23/8/2018, ngày 05/11/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2018, bà Vũ Ngọc A trình bày:

Ngày 15/5/2015, bà và ông An Quốc K (là chồng cũ của bà, đã ly hôn từ năm 2009) đã ký hợp đồng tín dụng số 3329657 vay của Ngân hàng TMCP V số tiền là: 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) với thời hạn 120 tháng để kinh doanh buôn bán thực phẩm chay. Các kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng, lãi suất vay: bà không nhớ rõ. Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà và ông Khánh đã thế chấp quyền sở hữu và sử dụng căn hộ chung cư tại: Tầng 2/3, số nhà Đ Phố E, phường N, quận T, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà và ông K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC do UBND quận Hai Bà Trưng cấp ngày 22/9/2011. Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng công chứng số 1739; quyền số 02-2015 lập ngày 07/5/2015 tại Văn phòng công chứng K. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 3329657 ngày 15/5/2015. Thực tế bà

chỉ được nhận 410.000.000 đồng, còn số tiền 40.000.000 đồng bà có thoả thuận riêng với nhân viên tín dụng vì đã làm các thủ tục vay vốn giúp bà.

Bà cũng được Ngân hàng giao cho một bộ hồ sơ gồm: Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp. Sau khi từ Ngân hàng về nhà, bà có xem lại các hợp đồng trên thì phát hiện Khế ước nhận nợ ghi không đúng mục đích sử dụng tiền vay, cụ thể là vay để kinh doanh nhưng hợp đồng lại ghi vay tiêu dùng mua sắm nội thất trang thiết bị gia đình và Khế ước nhận nợ có sửa lại phần lãi suất cho vay là 12%/năm và biên độ 6,4%/năm. Nội dung sửa chữa này là không đúng và cao hơn so với thoả thuận ban đầu giữa hai bên. Tuy nhiên thoả thuận ban đầu giữa hai bên về lãi suất và biên độ chính xác là bao nhiêu thì bà không nhớ rõ. Nhưng theo bà lãi suất cho vay chỉ cao hơn chút so với tờ rơi quảng cáo về lãi suất cho vay ưu đãi 5%/năm mà Ngân hàng gửi cho bà, bà đã phô tờ tờ quảng cáo này gửi cho Toà án.

Khi ký hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, bà xác nhận có sai sót là không đọc kỹ trước khi ký nên không biết việc Ngân hàng đã sửa chữa về lãi suất và biên độ. Khi về nhà bà phát hiện ra sự việc trên, bà đã lên Chi nhánh đề nghị được trả lại số tiền gốc đã vay nhưng Ngân hàng lại tính lãi phạt do trả nợ trước hạn mà bà không đồng tính lãi như vậy. Sau đó bà đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại đến Chi nhánh và Hội sở Ngân hàng nhưng đều không được giải quyết. Từ đó cho đến nay bà không trả lãi vì theo bà hợp đồng không có giá trị về mặt pháp lý. Bà xác nhận đã được Toà án thông báo về việc xuất trình bản chính Khế nhận nợ và các tài liệu liên quan đến thoả thuận về lãi suất cho vay và biên độ.

Nay Ngân hàng khởi kiện đòi nợ và xử lý tài sản bảo đảm của gia đình bà, bà có quan điểm: Chỉ chấp nhận trả lại số tiền gốc là 450.000.000 đồng; không đồng ý trả tiền lãi vì lỗi của ngân hàng đã tẩy xóa khế ước nhận nợ; Về tài sản bảo đảm: sau khi ly hôn bà và ông K có thoả thuận miệng về việc để lại căn hộ số 98 phố Huế cho bà và hai con ở nên hiện tại căn nhà này có bà và hai con là An Anh V, sinh năm 1990 và An Anh H, sinh năm 1999 đang trực tiếp quản lý và sử dụng. Ông K ở nhà khác tại phố D. Căn hộ này theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng vẫn mang tên bà và ông K. Bà đề nghị phối hợp với Ngân hàng để bán tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng, hiện ông K không có trao đổi gì với bà về vụ kiện. Bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật nếu ông K vắng mặt.

* Đối với bị đơn là ông An Quốc K: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo yêu cầu giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là ông An Quốc K tại địa chỉ nơi ông có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống là: số C phố D, phường M, quận H, thành phố Hà Nội để ông K biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng thời triệu tập ông K đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên ông K đều không đến Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền

và lợi ích hợp pháp cho mình, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa.

[3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: Anh An Anh V; sinh năm 1990 và anh An Anh H; sinh năm 1999 (đều là các con bà Vũ Ngọc A và Ông An Quốc K):

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh nơi cư trú của anh An Anh V và anh An Anh H được Công an phường Ngô Thì Nhậm cung cấp: An Anh V và anh An Anh H hiện đang sinh sống cùng mẹ là bà Vũ Ngọc A tại địa chỉ: Tầng 2/3, số số nhà Đ Phố E, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc bổ sung người tham gia tố tụng, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh An Anh V và anh An Anh H tại địa chỉ trên để hai anh biết về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, đồng thời triệu tập hai anh đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên anh V, anh H đều vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt; đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng ghi đúng mục đích cho vay vốn vì theo giấy đề nghị vay vốn, biên bản xác nhận nhu cầu vốn vay, bà Ngọc A và ông K đều ký xác nhận đề nghị vay tiêu dùng mua sắm đồ nội thất gia đình; Ngân hàng xác định không sửa chữa về lãi suất và biên độ trên bản Khế ước nhận nợ cao hơn so với lãi suất thỏa thuận ban đầu; Ngân hàng không nhận được bất kỳ đơn khiếu nại nào của bà Ngọc A liên quan đến nội dung sửa chữa lãi suất và biên độ. Tài liệu về việc khiếu nại do bà xuất trình đều là bản phô tô, không có giá trị chứng minh. Hơn nữa việc gia đình bà không đến Tòa án làm việc theo thông báo cho thấy gia đình bà không có thiện chí giải quyết vụ việc. Vì vậy, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Ngọc A và ông K phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử 27/9/2019: Nợ gốc: 450.000.000 đồng; Nợ lãi: 392.237.984 đồng; Tổng cộng: 842.237.984 đồng.

Ngân hàng xác nhận không yêu cầu đòi khoản phạt chậm trả lãi. Bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc tính từ thời điểm xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận. Trường hợp bị đơn không thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ như trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành việc triệu tập của Tòa án và không có ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy hợp đồng tín dụng hạn mức và các giấy nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc cho Nguyên đơn; đối với lãi trong hạn do các bên tranh chấp lãi suất nên đề nghị áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm theo Quyết định 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cơ bản; chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả được nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 11/6/2018, Ngân hàng V có đơn khởi kiện đối với bà Vũ Ngọc Anh, cư trú tại tầng 2/3, số nhà Đ Phố E, phường N, quận B, thành phố Hà Nội và ông An Quốc Khánh, cư trú tại C phố D, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và bà Vũ Ngọc A, ông An Quốc K được xác lập từ ngày 15/5/2015. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thì thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Ngày 15/6/2015 là ngày bà Ngọc A và ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Ngày 19/6/2018, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, đã hết thời hạn 03 năm. Tuy nhiên, trước khi Tòa án ra bản án, các bên đương sự không đưa ra yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên căn cứ khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Vũ Ngọc A, ông An Quốc K, anh An Anh V và anh An Anh H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[4] Xét hiệu lực của Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các ý kiến của bà Vũ Ngọc Anh:

Ngày 08/4/2015, bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K ký Giấy đề nghị Ngân hàng TMCP V cho ông bà vay số tiền là 450.000.000 đồng với thời hạn vay 120 tháng để tiêu dùng mua sắm đồ nội thất gia đình.

Ngày 15/5/2015, Ngân hàng V (Bên cho vay) và bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K (Bên vay) đã ký Hợp đồng tín dụng số 3329657 ngày 15/5/2015, theo đó Ngân hàng cho bà Ngọc A và ông K vay số tiền là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) với thời hạn vay 120 tháng; mục đích vay tiêu dùng mua sắm nội thất, trang thiết bị gia đình. Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Khế ước nhận nợ. Cùng ngày, bà Ngọc A và ông K ký giấy Đề nghị Ngân hàng giải ngân cho ông bà số tiền theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Ngọc A và ông K toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) theo Khế ước nhận nợ số 3329657 ngày 15/5/2015. Khế ước cũng ghi nhận thỏa thuận của hai bên về thời hạn, mục đích vay, lãi suất, các kỳ hạn trả nợ gốc, lãi.

Xét hợp đồng tín dụng hạn mức và khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, nên có hiệu lực pháp luật.

* Về ý kiến của bà Ngọc A cho rằng Ngân hàng ghi sai mục đích vay vốn vì bà vay để kinh doanh mà không phải vay tiêu dùng, thấy:

Tại Biên bản xác nhận nhu cầu vốn vay ngày 06/4/2015, bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K đều kê khai nhu cầu vay vốn để mua sắm đồ nội thất gia đình và ký cam kết việc kê khai chính xác, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp trong việc sử dụng tiền vay. Theo giấy Đề nghị giải ngân ngày 08/4/2015, bà Ngọc A và ông K cũng ký đề nghị vay vốn với mục đích vay tiêu dùng mua sắm đồ nội thất gia đình và cam kết những thông tin trong kê khai đều chính xác, hợp pháp, đúng sự thực và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin sai lệch nào. Do đó, việc bà Vũ Ngọc A nêu Ngân hàng ghi sai mục đích vay vốn trên hợp đồng tín dụng là không có căn cứ.

* Về ý kiến của bà Ngọc A cho rằng Ngân hàng có sự sửa chữa lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất tại Khế ước nhận nợ, thấy:

Hợp đồng tín dụng số 3329657 ngày 15/5/2015 và Khế ước nhận nợ số 3329657 ngày 15/5/2015 là văn bản in nhưng các nội dung về ngày tháng năm của thời hạn vay, số tiền nhận nợ, lãi suất cho vay, biên độ điều chỉnh lãi suất được Ngân hàng điền tay. Các nội dung lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất được thể hiện ở Khế ước nhận nợ. Theo bản chính Khế ước nhận nợ do Ngân

hàng xuất trình, nội dung về lãi suất cho vay và biên độ điều chỉnh lãi suất không có sự sửa chữa và quy định như sau: *“Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 12%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01; 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 01/10/2015, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 6,4%/năm. Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo thoả thuận trên và không phải thông báo cho bên vay”*.

Bà Ngọc Axuất trình bản sao công chứng của Khế ước nhận nợ 3329657 ngày 15/5/2015 thể hiện: phần lãi suất cho vay ghi là 12%/năm và biên độ điều chỉnh lãi suất là 6,4%/năm bên trên có chữ ký nháy. Bà Ngọc A cho rằng Ngân hàng có sự sửa chữa lãi suất và biên độ tại Khế ước nhận nợ là không đúng (sửa cao hơn) với thoả thuận ban đầu. Tuy nhiên, bà không nhớ được lãi suất ban đầu theo thoả thuận giữa bà, ông Khánh với Ngân hàng là bao nhiêu. Mặc dù bà Ngọc Anh có nộp tài liệu là tờ quảng cáo của Ngân hàng thể hiện lãi suất vay ưu đãi 5%/năm, tuy nhiên thời hạn áp dụng mức lãi suất ưu đãi 5% trên tờ quảng cáo chỉ đến hết tháng 12/2014 trong khi khoản vay của bà Ngọc A và ông K được xác lập vào 15/5/2015 nên mức lãi suất trong tờ rơi không còn giá trị áp dụng đối với khoản vay của ông bà. Hơn nữa tờ quảng cáo là tài liệu phô tô nên không được coi là chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Để có cơ sở làm rõ những vấn đề như bà Ngọc A đã trình bày, Toà án đã thông báo yêu cầu bà Ngọc A và ông Khánh xuất trình bản chính của Khế ước nhận nợ số 3329657 ngày 15/5/2015 mà Ngân hàng đã giao cho bà; tài liệu chứng cứ chứng minh thoả thuận ban đầu giữa hai bên về lãi suất cho vay, biên độ %/năm; văn bản nêu ý kiến của bị đơn về việc có yêu cầu Toà án trưng cầu giám định nội dung lãi suất cho vay và biên độ trước khi tẩy xóa trong Khế ước nhận nợ ngày 15/05/2015 mà bà Vũ Ngọc A đang giữ không. Nếu có thì đề nghị Bị đơn phải có đơn yêu cầu và xuất trình bản chính Khế ước nhận nợ 3329657 ngày 15/5/2015. Bà Ngọc A và ông K đều đã nhận thông báo này hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc và không xuất trình tài liệu theo thông báo. Toà án cũng triệu tập hợp lệ các đương sự để tiến hành đối chất làm rõ những mâu thuẫn trên nhưng bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K đều vắng mặt, không tham gia.

* Về việc bà Vũ Ngọc A cho rằng bà đã khiếu nại việc sửa chữa về lãi đến Ngân hàng nhưng không được giải quyết nhưng bà không chứng minh được Ngân hàng đã nhận được các đơn khiếu nại của bà. Mặc dù bà có xuất trình cho Toà án các tài liệu như: đơn khiếu nại ngày 15/6/2015, đơn tố cáo không ngày tháng và các biên lai gửi chuyển phát ghi ngày 15/6/2015, 17/8/2015, 19/10/2015 nhưng đều là tài liệu phô tô.

Theo quy định của khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *“Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp xác nhận”*. Do đó các tài liệu là bản phô tô do bà Ngọc A đã xuất trình không được coi là chứng cứ và do đó không mang giá trị chứng minh.

Hơn nữa theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Toà án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã có văn bản thông báo và triệu tập và tạo điều kiện cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến đề cung cấp, giao nộp cho Toà án tài liệu, chứng cứ chứng minh và trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nhưng bà Vũ Ngọc A, ông An Quốc K, anh An Anh V và anh An Anh H đều không đến Toà án làm việc, từ chối thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định. Do đó theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Từ những quy định trên thấy Khế ước nhận nợ số 3329657 ngày 15/5/2015 ghi nhận mức lãi suất cho vay 12%/năm và biên độ điều chỉnh lãi suất 6,4%/năm là đúng với thoả thuận tự nguyện của bên cho vay và bên vay, có giá trị ràng buộc đối với cả hai bên, nên những ý kiến như bà Ngọc A nêu ra là không có cơ sở.

[5] Xét yêu cầu đòi nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn của Ngân hàng:

Hợp đồng tín dụng được ký ngày 15/5/2015 nên theo khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì bị đơn phải chịu: lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Đối chiếu với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất thấy: Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Tại Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: *“Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”*. Theo Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng có quy định: *“Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả”*. Do đó mức lãi suất cho vay mà Ngân hàng V và bà Vũ Ngọc A, ông An Quốc K thỏa thuận trong Khế ước nhận nợ số 3329657 ngày 15/5/2015 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo Khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận các kỳ hạn trả nợ như sau:

- Kỳ trả nợ gốc: 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ hạn trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/6/2015, tổng cộng gồm 120 kỳ. Số tiền nợ gốc mà Bên vay phải trả mỗi kỳ là 3.750.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 3.750.000 đồng vào ngày đáo hạn

15/5/2025.

- Kỳ trả nợ lãi: 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ hạn trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/6/2015.

Điều 4 Hợp đồng tín dụng quy định:

"1. Bên vay phải thanh toán gốc lãi của khoản vay cho Bên ngân hàng theo đúng thời hạn quy định tại các Khế ước nhận nợ được ký kết giữa các bên hoặc các văn bản liên quan.

2. Các bên cùng thống nhất hiểu rõ ràng rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc và/hoặc Kỳ trả nợ lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Bên Ngân hàng có quyền thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của bên vay mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn vay".

Bà Ngọc A và ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi ngay từ kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 15/6/2015 và cũng không trả được khoản nào kể từ khi nhận tiền vay cho đến thời điểm Tòa án xét xử, nên được coi là vi phạm vào Điều 4 Hợp đồng tín dụng, điểm 6 Điều 1 của Khế ước nhận nợ. Do đó theo Điều 25 và khoản 2 Điều 13 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Ngân hàng V có quyền đòi bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K phải trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên là có căn cứ.

Về việc điều chỉnh lãi suất thấy: Theo khoản 5 Điều 1 Khế ước nhận nợ, kỳ đầu tiên các bên thỏa thuận áp dụng lãi suất là 12%/năm (được áp dụng theo Quyết định số 290/2015/QĐ-TGD ngày 14/4/2015). Từ các kỳ tiếp theo việc điều chỉnh lãi suất đã được điều chỉnh đúng như thỏa thuận, tương ứng với lãi suất tiết kiệm 12 tháng bậc thang thấp nhất được quy định trong các Quyết định do VPBank ban hành theo từng thời kỳ cộng (+) với biên độ 6,4%. Cụ thể như sau:

- Ngày 01/10/2015 điều chỉnh lãi là 12,8%/năm (áp dụng theo Quyết định số 741/2015/QĐ-TGD ngày 30/9/2015 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,4%+ biên độ 6,4% = 12,8%);

- Ngày 01/1/2016: điều chỉnh lãi là 13,4%/năm (áp dụng theo Quyết định số 973/2015/QĐ-TGD ngày 21/12/2015 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 7,0%+ biên độ 6,4% = 13,4%);

- Ngày 01/4/2016: điều chỉnh lãi là 13,0%/năm (áp dụng theo Quyết định số 233/2016/QĐ-TGD ngày 29/3/2016 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,6%+ biên độ 6,4 = 13,0%);

- Ngày 01/7/2016: điều chỉnh lãi là 13,1%/năm (áp dụng theo Quyết định số 512/2016/QĐ-TGD ngày 27/6/2016 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,7%+ biên độ 6,4% = 13,1%);

- Ngày 01/10/2016: điều chỉnh lãi là 13,1%/năm (áp dụng theo Quyết định số 778/2016/QĐ-TGD ngày 22/9/2016 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,7%+ biên độ 6,4% = 13,1%);

- Ngày 01/01/2017: điều chỉnh lãi là 13,3%/năm (áp dụng theo Quyết định số 1172/2016/QĐ-TGD ngày 31/12/2016 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,9%+ biên độ 6,4 % = 13,3%);

- Ngày 01/4/2017: điều chỉnh lãi là 13,4%/năm (áp dụng theo Quyết định số 277/2017/QĐ-TGD ngày 30/3/2017 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất là 7.0%+ biên độ 6,4% = 13,4%);

- Ngày 01/7/2017: điều chỉnh lãi là 13,2%/năm (áp dụng theo Quyết định số 467/2017/QĐ-TGD ngày 22/6/2017 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,8%+ biên độ 6,4% = 13,2%);

- Ngày 01/10/2017: điều chỉnh lãi là 13,1%/năm (áp dụng theo Quyết định số 784/2017/QĐ-TGD ngày 27/9/2017 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,7%+ biên độ 6,4 % = 13,1%);

- Ngày 01/01/2018: điều chỉnh lãi là 13,7%/năm (áp dụng theo Quyết định số 956/2017/QĐ-TGD ngày 08/12/2017 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất là 7.3%+ biên độ 6,4% = 13,7%);

- Ngày 01/4/2018: điều chỉnh lãi là 13,3%/năm (áp dụng theo Quyết định số 256/2018/QĐ-TGD ngày 30/3/2018 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,9%+ biên độ 6,4% = 13,3%);

- Ngày 01/7/2018: điều chỉnh lãi là 13,3%/năm (áp dụng theo Quyết định số 391/2018/QĐ-TGD ngày 16/5/2018 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,9%+ biên độ 6,4% = 13,3%);

- Ngày 01/10/2018: điều chỉnh lãi là 13,4%/năm (áp dụng theo Quyết định số 816/2018/QĐ-TGD ngày 28/9/2018 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất là 7.0%+ biên độ 6,4% = 13,4%);

- Ngày 01/1/2019: điều chỉnh lãi là 13,65%/năm (áp dụng theo Quyết định số 1021/2018/QĐ-TGD ngày 07/12/2018 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất là 7.25%+ biên độ 6,4% = 13,65%);

- Ngày 01/4/2019: điều chỉnh lãi là 13,35%/năm (áp dụng theo Quyết định số 169/2019/QĐ-TGD ngày 19/3/2019 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất

là 6,95%+ biên độ 6,4 = 13,35%);

- Ngày 01/7/2019: điều chỉnh lãi là 13,55%/năm (áp dụng theo Quyết định số 457/2019/QĐ-TGD ngày 28/6/2019 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất là 7,15%+ biên độ 6,4% = 13,55%).

Kể từ ngày khoản nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn, thì bên vay còn phải chịu lãi quá hạn theo mức lãi suất bằng 150% lãi trong hạn. Thỏa thuận này là phù hợp với khoản 2 Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001.

Theo các quy định của pháp luật như phân tích trên và kiểm tra bảng kê tính lãi của Ngân hàng thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VPBank, buộc bà Vũ Ngọc Anh và ông An Quốc Khánh phải trả cho VPBank số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ (tính đến ngày 29/7/2019) là:

- Nợ gốc: 450.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 4.650.000 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 387.587.984 đồng
- Tổng cộng: 842.237.984 đồng**

[6] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Ngày 07/5/2015, bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K đã ký Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 1739/2015/HĐTC, quyền số 02-2015 ngày 07/5/2015 tại Văn phòng Công chứng K theo đó thế chấp căn hộ chung cư, diện tích sàn: 17,3m², số tầng 2/3 tại địa chỉ: số nhà Đ Phố E, phường N, quận T, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông bà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BC do UBND quận T cấp ngày 22/9/2011. Hợp đồng thế chấp được công chứng cùng ngày tại Văn phòng Công chứng K thành phố Hà Nội và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/5/2015 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà - Chi nhánh quận T.

Theo khoản 1 Điều 2 Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư, các bên thỏa thuận tài sản thế chấp trên bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (gọi chung là Văn kiện tín dụng) của Bên thế chấp đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các Hợp đồng, văn bản đó (sau đây gọi là “Văn kiện tín dụng”) ký giữa Bên Ngân hàng và Bên thế chấp trong khoảng thời gian kể từ ngày 07/5/2015 đến 07/5/2020.

Tại khoản 1 Điều 6 Hợp đồng thế chấp quy định: “*Các bên thống nhất thỏa thuận rằng Bên Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a) bên thế chấp không thực hiện hoặc hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các văn kiện tín dụng đã ký với Bên Ngân hàng*”.

Ngày 11/10/2018, Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Các đương sự đều xác nhận hiện trạng tài sản thế chấp đến nay không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp.

Xét hợp đồng thế chấp thấy các bên đều thừa nhận hợp đồng, được đọc và ký từng trang, việc ký kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tại phần ký của bên thế chấp, bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K đã ghi “*Chúng tôi đã đọc và đồng ý*”. Việc thế chấp đã thực hiện đúng hình thức, trình tự và thủ tục, tuân thủ đúng quy định tại Điều 342, 343 Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP. Có căn cứ xác định Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 1739/2015/HĐTC; quyển số: 02-2015 ngày 07/5/2015 tại Văn phòng công chứng K, thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật nên có giá trị thi hành. Do vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng khi bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K vi phạm nghĩa vụ là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí tính trên phần nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng; trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm h khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 342, Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP;

- Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;

- Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 28/2002/QĐ-NHNN ngày 11/01/2002; Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005; Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005;

- Điều 7, Điều 8, Điều 13 và Điều 14 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTM ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) đối với bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K.

2. Buộc bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ tính đến ngày 27/9/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 3329657 ngày 15/5/2015 và Khế ước nhận nợ số 3329657 ngày 15/5/2015 bao gồm:

- Nợ gốc: 450.000.000 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 4.650.000 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 387.587.984 đồng

Tổng cộng: 842.237.984 đồng (*Tám trăm bốn mươi hai triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi tư đồng*).

3. Kể từ ngày 28/9/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

4. Trong trường hợp bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ: Toàn bộ căn hộ chung cư diện tích 17,3m², số tầng 2/3 tại địa chỉ: tầng 2, số nhà Đ Phố E, phường N, quận T, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông An Quốc K và bà Vũ Ngọc A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BC do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 22/9/2011, số vào sổ cấp GCN: CH00216.505.2011 cho ông An Quốc K và bà Vũ Ngọc A. Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 1739/2015/HĐTC, quyền số 02-2015 ngày 07/5/2015 tại Văn phòng công chứng K thành phố Hà Nội và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/5/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận T.

5. Về án phí:

- Bị đơn là bà Vũ Ngọc A và ông An Quốc K phải chịu 37.267.139 đồng (*Ba mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm ba mươi chín đồng*) án phí kinh dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 17.368.380 đồng (*Mười bảy triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm tám mươi đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004159 ngày 14/8/2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Vũ Ngọc A, ông An Quốc K, anh An Anh V, anh An Anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thủy

